

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2021/HS-ST
Ngày: 31-5-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Tòng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Trần Văn Tiền**.

2/ Bà **Phạm Thị Em**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Trâm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông **Trần Minh Kha** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 23/2021/TLST-HS ngày 23 tháng 3 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 28/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 5 năm 2021 đối với:

Bị cáo:

Phan Văn N, sinh năm 1987; tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Số D, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông Phan Văn C và bà Lê Thị K; Bị cáo có vợ tên Lê Thị Phương T (đã ly hôn), có 01 người con sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Huỳnh Thái D, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Trần Thị Thanh T, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Trú tại: Ấp P, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

+ Lê Thị Phương T1, sinh năm 1986 (Có mặt).

Trú tại: Số D, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

+ Bà Đặng Thị Kim Cương, sinh năm 1959 (Vắng mặt).

Trú tại: Khu phố C, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn N là chủ Công ty TNHH Một thành viên T đặt tại số D, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre. Vì thiếu vốn kinh doanh và muốn vay tiền của Huỳnh Thái D nhưng do các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của N đứng tên chủ sở hữu đã thế chấp tại ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt. Để có tài sản thế chấp vay tiền đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh, Phan Văn N nảy sinh ý định làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để đem thế chấp cho Huỳnh Thái D để vay của D số tiền 300.000.000 đồng. Ngày 25/4/2019, Phan Văn N lên trang Facebook vào mục “Làm giấy tờ giả uy tín” đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05933 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/4/2019 đối với thửa đất số 480, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.063,3m² tọa lạc tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre do Phan Văn N đứng tên chủ sở hữu với giá 4.000.000 đồng. Sau khi đặt làm xong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên, ngày 27/4/2019 Phan Văn N và Huỳnh Thái D đến Văn phòng công chứng Kim Cương ở khu phố 3, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 480, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.063,3m² tọa lạc tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm (đây là hợp đồng giả cách giữa N và D), với mục đích N thế chấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho D để vay của D 300.000.000 đồng. Sau khi ký hợp đồng và công chứng xong N giao hồ sơ cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đối với thửa số 480 cho D. D cất hồ sơ vào tủ của văn phòng công chứng Kim Cương rồi ra về.

Việc vay, mượn tiền giữa N và D kết thúc vào ngày 15/02/2020, do N đã trả xong tiền vay cho D số tiền 345.000.000 đồng (bao gồm 300.000.000 đồng tiền gốc và 45 triệu đồng tiền lãi). Mặc dù hợp đồng vay giữa N và D đã kết thúc, nhưng D quên nói cho chị Trần Thị Thanh T (vợ D) biết N đã thanh toán xong tiền vay và hồ sơ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa N và D không còn giá trị pháp lý, nên ngày 24 tháng 02 năm 2020, chị Trần Thị Thanh T đến Văn phòng công chứng Kim Cương lấy một số hồ sơ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa N và D đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm nộp xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 480, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.063,3m² tọa lạc tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm cho Huỳnh

Thái D. Qua kiểm tra hồ sơ, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05933 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/4/2019 đối với thửa đất số 480, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.063,3m² tọa lạc tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre có các dấu hiệu giả mạo chữ ký của ông Trần Quang M, con dấu, màu sắc của giấy nên trình báo Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Giồng Trôm điều tra và xử lý theo quy định của pháp luật.

Vật chứng thu giữ: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thửa số 480, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.063,3m² (trong đó có đất ở tại nông thôn là 75m², đất trồng cây lâu năm là 988,3m²) tọa lạc tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, số phát hành CR 281306, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05933 tên Phan Văn N.

Tại Bản kết luận giám định số 67/2020GDTL ngày 24/4/2020, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bến Tre, kết luận:

“1. Phôi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CR 281306, mang tên ông Phan Văn N, năm sinh 1987; CMND số 321 252 818, địa chỉ thường trú: 2, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019 được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

2. Hình dấu tròn màu đỏ tại mục “Phó Giám đốc” trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CR 281306, mang tên ông Phan Văn N, năm sinh 1987; CMND số 321 252 818, địa chỉ thường trú: D, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019 so với hình dấu tròn màu đỏ có cùng nội dung trên tài liệu mẫu (ký hiệu M5, M6, M7) không phải do cùng một con dấu đóng ra (Hình dấu cần giám định được làm giả bằng phương pháp in phun màu).

3. Chữ ký mang tên Trần Quang M tại mục “Phó Giám đốc” trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CR 281306, mang tên ông Phan Văn N, năm sinh 1987; CMND số 321 252 818, địa chỉ thường trú: D, ấp B, xã B, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp ngày 18 tháng 4 năm 2019 so với chữ ký của Trần Quang M trên các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mẫu (ký hiệu M1 đến M4) không phải do cùng một người ký ra”.

Cáo trạng số 27/CT-VKSCT ngày 23/3/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo Phan Văn N về “*Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Phan Văn N từ 06 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 4 Điều 341: Phạt bổ sung bị cáo Phan Văn N số tiền 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

- Xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thửa số 480, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.063,3m² (trong đó có đất ở tại nông thôn là 75m², đất trồng cây lâu năm là 988,3m²) tọa lạc tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, sổ phát hành CR 281306, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05933 tên Phan Văn N.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã truy tố, đồng thời nói lời nói sau: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng Huỳnh Thái D, Trần Thị Thanh T, Đặng Thị Kim Cương. Bị cáo không có ý kiến. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị tiếp tục phiên tòa do sự vắng mặt nêu trên không ảnh hưởng việc xét xử. Hội đồng xét xử xét thấy những người vắng mặt đã có lời khai đầy đủ tại giai đoạn điều tra, việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử là phù hợp quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay thống nhất nhau, phù hợp với các kết luận giám định, lời khai người làm chứng và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Để vay được tiền phục vụ sản xuất kinh doanh nên ngày 25/4/2019 Phan Văn N lên mạng xã hội đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS05933 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 18/4/2019 đối với thửa đất số 480, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.063,3m² tọa lạc tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre với giá 4.000.000 đồng.

Ngày 27/4/2019, N sử dụng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả trên thế chấp cho Huỳnh Thái D để vay của D 300.000.000 đồng (với hình thức hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất). Mặc dù việc vay tiền giữa N và D đã được N thanh toán xong cho D vào ngày 15/02/2020, nhưng D chưa kịp giao lại hồ sơ và

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả cho N thì ngày 24/02/2020 chị Trần Thị Thanh T (vợ D) đem hồ sơ đến Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Giồng Trôm xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Huỳnh Thái D thì bị phát hiện.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính của Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình là trái pháp luật, là gây nguy hiểm cho xã hội nhưng để đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh của mình bị cáo đã lên mạng xã hội đặt làm giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp cho Huỳnh Thái D để vay của D 300.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Văn N đã phạm vào “*Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Cáo trạng truy tố và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ pháp luật, đúng người đúng tội.

[4] Xét tình tiết tăng nặng bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Xét tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có con nhỏ chưa thành niên quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động bình thường của cơ quan trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu, còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, cần phải có mức hình phạt phù hợp với tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Với tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mà chỉ cần giao bị cáo về địa phương phối hợp cùng gia đình quản lý, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung nên cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[6] Hình phạt bổ sung: Để đảm bảo tính răn đe, cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với bị cáo N là phù hợp theo quy định tại khoản 4 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

[7] Đối với Lê Thị Phương T1, Trần Thị Thanh T, Huỳnh Thái D và Công chứng viên Đặng Thị Kim C qua điều tra T1, D, T và Công chứng viên C không biết việc ông N sử dụng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để ký hợp đồng

chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Châu Thành không xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi gian dối của Phan Văn N dùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả để thế chấp cho Huỳnh Thái D để vay tiền của D nhưng N không có ý thức chiếm đoạt số tiền của D. Do đó, hành vi của N không cấu thành tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

[8] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ vào khoản 1 Điều 341; điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Phan Văn N phạm “Tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”;

Xử phạt bị cáo Phan Văn N **09 (Chín) tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng** tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/5/2021).

Giao bị cáo Phan Văn N về cho UBND xã Bình Phú, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre phối hợp cùng với gia đình bị cáo giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Căn cứ vào khoản 4 Điều 341 Bộ Luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017:

- Phạt bổ sung bị cáo Phan Văn N số tiền **5.000.000** đồng (Năm triệu đồng).

[3] Về xử lý vật chứng:

Lưu hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả thửa số 480, tờ bản đồ số 4, diện tích 1.063,3m² (trong đó có đất ở tại nông thôn là 75m², đất trồng cây lâu năm là 988,3m²) tọa lạc tại xã Sơn Phú, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, số phát hành CR 281306, số vào sổ cấp giấy chứng nhận CS05933 tên Phan Văn N.

[4] Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phan Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- STP tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện (1b);
- Bộ phận HS CA huyện (2b);
- UBND xã B (1b);
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Phan Thanh Tòng